

B GIÁO D C VÀ ÀO T O  
VI N KHOA H C GIÁO D C VI T NAM

LÊ TRUNG CHINH

PHÁT TRI N I NG GIÁO VIÊN TRUNG H C  
PH THÔNG THÀNH PH ÀN NG  
TRONG B I C NH HI NNAY

Chuyên ngành : Qu n lí giáo d c

Mã s : 62 14 01 14

TÓM T TLU N ÁN TI NS KHOA H C GIÁO D C

Hà N i, N m 2015

Công trình      c hoàn thành t i  
VI N KHOA H C GIÁO D C VI T NAM

Ng i h ng d n khoa h c

- GS.TSKH V Ng c H i

- GS.TS Phan V n Kha

Ph n bi n 1:

Ph n bi n 2:

Ph n bi n 3:

Lu n án s      c b o v tr c H i ng ánh giá lu n án c p  
B môn h p t i Vi n Khoa h c Giáo d c Vi t Nam

Vào h i.... gi .....ngày .... tháng .... n m 2015

*Có th tìm hi u lu n án t i:*

- Th vi n Qu c gia

- Vi n Khoa h c Giáo d c Vi t Nam

## M U

### 1. Lí do ch n tài

Nhân t quy t nh th ng l i c a công nghi p hóa - hi n i hóa (CNH - H H) và h i nh p qu c t là ngu n nhân l c Vi t Nam phát tri n v s l ng và ch t l ng trên c s m t b ng dân trí c nâng cao. i ng giáo viên ( NGV) nói chung và NGV trung h c ph thông (THPT) là l c l ng c t cán c a s nghi p giáo d c và ào t o (GD& T), là nhân t ch o quy t nh vi c nâng cao ch t l ng giáo d c.

Tuy ã có nh ng b c phát tri n m nh v quy mô và trình ào t o c b n nh ng NGV THPT thành ph à N ng v n ch a áp ng c yêu c u i m i GD& T. Nguyên nhân chính c a th c tr ng này là công tác qu n lí, tuy n ch n, s d ng, chính sách ã ng , ào t o, b i d ng NGV... còn h n ch .

Nh ng phân tích trên là lí do chúng tôi ch n tài lu n án có n i dung v n d ng lí lu n qu n lí giáo d c, qu n lí nhân l c vào gi i quy t m t v n th c ti n c a công tác qu n lí phát tri n NGV THPT. tài lu n án c bi u t v i tiêu : “*Phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông thành ph à N ng trong b i c nh hi n nay*”.

### 2. M c ích nghiên c u

xu t các gi i pháp phát tri n NGV THPT thành ph à N ng trong b i c nh hi n nay nh m áp ng yêu c u i m i c n b n và toàn di n GD& T.

### 3. Khách th và i t ng nghiên c u

**3.1. Khách th nghiên c u:** i ng giáo viên THPT.

**3.2. i t ng nghiên c u:** Phát tri n NGV THPT thành ph à N ng.

### 4. Gi thuy t khoa h c

N u xu t các gi i pháp theo ti p c n chu n ngh nghi p c a giáo viên và lí thuy t phát tri n ngu n nhân l c, tác ng ng b vào các khâu c b n c a quá trình phát tri n NGV THPT thì s góp ph n

phát triển NGV THPT thành ph ã N ng, áp ng yêu c u i m i c n b n, toàn di n GD& T.

## **5. Ph m vi nghiên c u**

### **5.1. Ph m vi n i dung nghiên c u**

Các gi i pháp qu n lí c a các ch th qu n lí c p t nh và c p tr ng, c bi t các gi i pháp qu n lí c a S GD& T i v i NGV THPT.

### **5.2. Ph m vi th i gian và à bàn nghiên c u**

Nghiên c u th c ti n và nghiên c u th nghi m c tri n khai t i thành ph ã N ng. Th i gian ánh giá hi n tr ng: t n m h c 2010-2011 n n m h c 2013-2014.

## **6. Nhi m v nghiên c u**

6.1. Nghiên c u c s lí lu n v phát tri n NGV THPT.

6.2. ánh giá th c tr ng NGV THPT và phát tri n NGV THPT thành ph ã N ng.

6.3. xu t m t s gi i pháp phát tri n NGV THPT thành ph ã N ng theo yêu c u i m i GD& T.

6.4. Th nghi m m t gi i pháp phát tri n NGV THPT thành ph ã N ng theo yêu c u i m i GD& T.

## **7. Ph ng pháp lu n và ph ng pháp nghiên c u**

**7.1. C s ph ng pháp lu n:** Ti p c nh th ng, ti p c n ph c h p.

**7.2. Các ph ng pháp nghiên c u c th**

- *Ph ng pháp nghiên c u lí thuy t*

- *Nhóm các ph ng pháp nghiên c u th c ti n g m:* Ph ng pháp i u tra, kh o sát; Ph ng pháp nghiên c u s n ph m ho t ng giáo d c; Ph ng pháp t ng k t kinh nghi m; Ph ng pháp chuyên gia và Ph ng pháp ph ng v n tr c ti p.

- *Nhóm các ph ng pháp x lí thông tin g m:* S d ng th ng kê toán h c; s d ng các ph n m m tin h c; s d ng s , b ng bi u, th ...

## **8. Lu n i m b o v**

8.1. phát tri n NGV THPT áp ng yêu c u i m i

GD& T c n ph i th c hi n ng b các gi i pháp v phân c p qu n lí, quy ho ch, tuy n ch n, s d ng, ào t o, b i d ng, thanh tra, ki m tra và xây d ng c ch chính sách...

8.2. Trong quá trình th c hi n các gi i pháp, c n chú ý s ng b v các m t: tuy n ch n, phân công, ánh giá, b i d ng. Trong ó, công tác tuy n ch n là khâu then ch t. N i dung này s góp ph n quan tr ng trong vi c phát tri n NGV THPT t i thành ph à N ng.

## **9. óng góp m i c a lu n án**

9.1. V m t lí lu n: H th ng hóa và làm phong phú thêm lí lu n v phát tri n NGV THPT trên c s v n d ng a d ng các ph ng pháp ti p c n nghiên c u, c bi t là ti p c n lí thuy t phát tri n ngu n nhân l c, ti p c n theo chu n ngh nghi p GV THPT và yêu c u i v i GV THPT trong b i c nh i m i GD& T; phân tích làm rõ n i dung phát tri n NGV THPT và các y u t tác ng n phát tri n NGV THPT.

9.2. Phát hi n th c tr ng phát tri n NGV THPT thành ph à N ng v i nh ng h n ch , b t c p c n nhanh chóng kh c ph c, c th v phân c p qu n lí và công tác quy ho ch; công tác tuy n ch n, s d ng, ào t o và b i d ng GV; ánh giá GV và thanh tra, ki m tra chuyên môn c a các tr ng THPT.

9.3. xu t 6 gi i pháp phát tri n NGV THPT thành ph à N ng v s l ng, ng b v c c u, m b o ch t l ng áp ng yêu c u i m i s nghi p GD& T thành ph à N ng.

## **10. C u trúc c a lu n án**

Ngoài ph n m u, k t lu n và khuy n ngh , lu n án có 3 ch ng:

Ch ng 1: C s lí lu n v phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông.

Ch ng 2: Th c tr ng phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông thành ph à N ng và kinh nghi m qu c t .

Ch ng 3: Gi i pháp phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông thành ph à N ng trong b i c nh hi n nay.

# Chương 1

## C S LÝ LUẬN VÀ PHÁT TRIỂN NGV GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

### 1.1. Tổng quan nghiên cứu và n

**1.1.1. Nghiên cứu và phát triển giáo viên:** Nghiên cứu công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về phát triển giáo viên nhân lực xã hội học vai trò của giáo viên nhân lực nói chung và NGV nói riêng; sự ảnh hưởng khác nhau tùy thuộc vào cách tiếp cận và xu hướng nghiên cứu. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay và toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, rất cần nghiên cứu và phát triển giáo viên Việt Nam nói chung và NGV nói riêng.

**1.1.2. Nghiên cứu và phát triển giáo viên:** Nghiên cứu xây dựng và phát triển NGV cấp trung các lĩnh vực: đào tạo, bồi dưỡng GV, chuẩn nghề nghiệp GV và chính sách đãi ngộ GV...

### 1.2. Các khái niệm cơ bản

**1.2.1. Giáo viên trung học phổ thông:** NGV THPT là nghề nghiệp làm công tác giảng dạy - giáo dục trong trường THPT, có cùng nhiệm vụ dạy học, giáo dục học sinh THPT.

**1.2.2. Chất lượng, chất lượng giáo viên:** Chất lượng giảng dạy, giáo dục của GV được đánh giá qua kết quả tiếp thu kiến thức của học sinh mà sản phẩm cuối cùng là năng lực, nhân cách. Chất lượng giáo dục phụ thuộc vào “phát triển học sinh”, “phát triển giáo viên”. Chất lượng NGV thể hiện phẩm chất,操守; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; sức lực; sức khỏe,...

**1.2.3. Quy định:** Quy định là một hoạt động có chủ đích, có những nội dung cụ thể hành động thực hiện quy định nhằm tác động lên khách thể quy định thể hiện các mục tiêu xác định của công tác quy định.

**1.2.4. Phát triển và phát triển giáo viên:** Phát triển là quá trình nội tại, là biến chuyển hóa từ thấp đến cao, trong cái tồn tại

ch a ng d i d ng ti m n ng nh ng khuynh h ng d n n cái cao, còn cái cao là cái th p ã phát tri n. Phát tri n ngu n nhân l c giáo d c là s phát tri n NGV b o m v s l ng, t chu n v trình và ch t l ng, ng b v c c u... áp ng yêu c u ngày càng cao c a công tác giáo d c.

### **1.3. Nh ng yêu c u i v i giáo viên trung h c ph thông**

**1.3.1. V trí, vai trò, ch c n ng c a giáo viên trung h c ph thông:** GV THPT có v trí, vai trò, ch c n ng quan tr ng trong nhà tr ng, là trung tâm c a s k t n i, h p tác, chia s c a h c sinh.

**1.3.2. i m i c n b n, toàn di n giáo d c v i v n phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông**

- Nh ng yêu c u v phát tri n NGV: Chu n hóa NGV; th c hi n k ho ch hóa quá trình phát tri n NGV, t o l p và duy trì s ng b v c c u gi a giáo d c các môn h c, các l nh v c giáo d c tr ng trung h c; s a i chính sách v ti n l ng, ph c p và các ch u ãi khác.

- Nh ng yêu c u i v i GV THPT: GV ph i có trình chuyên môn, có ngh thu t s ph m, bi th ng d n, t ch c các ho t ng, là trung tâm c a t p th h c sinh, có kh n ng t p h p, l o i cu n, k t n i, giúp h c sinh; ph i c ào t o chu n m c v chuyên môn, nghi p v s ph m và có ph m ch t o c xã h i - ngh nghi p phù h p.

- c i m ho t ng h c t p c a h c sinh trung h c ph thông và nh ng yêu c u i v i GV: H c sinh THPT ang giai o n phát tri n m nh v tâm - sinh lí, tr ng thành h n, tích l y nhi u kinh nghi m s ng h n, các em ý th c c v trí, vai trò c a mình. Thái c a các em i v i các môn h c có s l a ch n h n, tính phân hóa trong ho t ng h c t p th hi n rõ h n, cao h n, do xu h ng ch n ngh , vào i chi ph i; h ng thú h c t p g n li n v i khuynh h ng ngh nghi p mà các em a thích. Do ó, GV THPT ph i n m c

c i m ho t ng h c t p c a h c sinh THPT; ph i tích c c nâng cao n ng l c s ph m, trang b y ki n th c, khuy n khích, ng vi n các em tích c c h c t p.

### **1.3.3. B i c nh qu c t , trong n c và nh ng c h i, thách th c i v i s phát tri n i ng giáo viên**

Ti n trình toàn c u hóa; s h ình thành n n kinh t tri th c òi h i nâng cao ch t l ng giáo d c, trong ó ch t l ng NGV có vai trò quy t nh. N n kinh t n c ta ã và ang b t u v n hành theo c ch th tr ng nh h ng xã h i ch ngh a v i các quy lu t c b n c a nó là quy lu t giá tr , quy lu t cung - c u và quy lu t c nh tranh. Do v y, chúng ta ph i nhanh chóng hi n i hóa, nâng cao ch t l ng giáo d c s c t n t i và phát tri n trong c ch th tr ng c nh tranh.

Chúng ta ang ang t p trung m i ngu n l c tri n khai Ngh quy t 29-NQ/TW, H i ngh l n th 8, Ban Ch p hành Trung ng khóa XI v “ i m i c n b n, toàn di n giáo d c và ào t o, áp ng yêu c u CNH-H H trong i u ki n kinh t th tr ng nh h ng xã h i ch ngh a và h i nh p qu c t ” (NQ29). T t c nh ng i u trên v a là th i c , ng th i c ng là thách th c i v i phát tri n NGV THPT.

**1.3.4. Chu n ngh nghi p giáo viên trung h c ph thông:**  
Chu n ngh nghi p GV là h th ng th ng nh t các tiêu chí v ki n th c và k n ng chuyên môn; n ng l c s ph m; ph m ch t chính tr , o c, l i s ng mà ng i GV c n có th c hi n nhi m v gi ng d y và giáo d c c a mình.

## **1.4. Phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông**

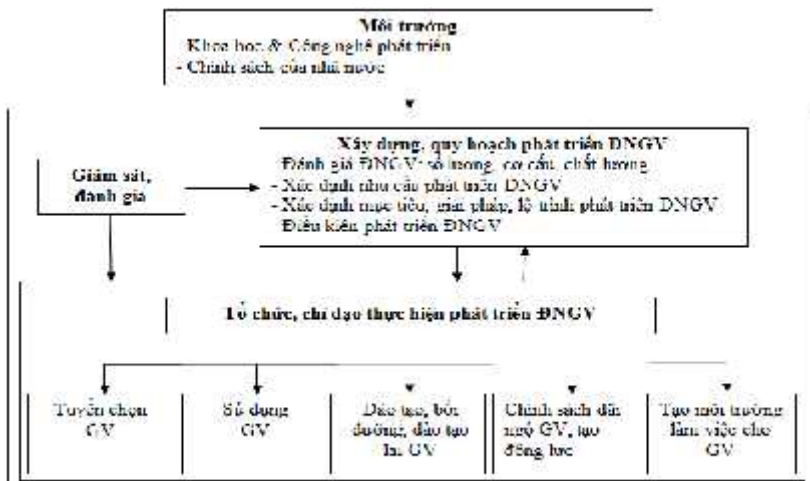
### **1.4.1. Qu n lí tr ng trung h c ph thông và phân c p qu n lí phát tri n i ng giáo viên**

- Qu n lí tr ng THPT bao g m qu n lí quá trình d y h c, giáo d c, tài chính, nhân l c, hành chính và môi tr ng xã h i, trong ó qu n lí quá trình d y h c là tr ng tâm.



- Phân cấp quản lý phát triển NGV: Phân cấp quản lý trong phát triển NGV là sự phân nhiệm vụ, trách nhiệm giữa các cấp quản lý trên cơ sở bổ sung phù hợp giữa khả năng và tính chất nhiệm vụ và ngân sách và ưu tiên thực tế của cấp quản lý nhằm tăng cường chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động phát triển NGV.

**1.4.2. Nội dung phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông:** Quy hoạch phát triển NGV THPT số lượng, nguồn lực, cơ cấu, chất lượng; tuyển chọn GV đúng quy trình, quy định, đúng nguyên tắc phẩm chất, năng lực; bồi dưỡng và phát huy tiềm năng lực, phẩm chất GV, đây là khâu quan trọng của quá trình quản lý; thực hiện tốt công tác chào đón, bố trí, phát huy vai trò trách nhiệm của GV nhằm nâng cao năng lực cho GV; thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, chính sách thu hút người giỏi, tốt nghiệp, giáo viên, khuyến khích GV; làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá. Sáu nội dung trên đây có mối quan hệ hữu cơ, tác động, chi phối lẫn nhau.



**Hình 1.5: Mô hình phát triển ĐNGV**

## **1.5. Nh ng y u t tác ng n phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông**

**1.5.1. Y u t khách quan:** S phát tri n nhanh chóng c a khoa h c và công ngh òi h i GV THPT ph i nâng cao trình chuyên môn, nghi p v áp ng yêu c u nâng cao ch t l ng ngu n nhân l c. Các c ch , chính sách còn nhi u b t c p, ch a t o c ng l c

GV an tâm công tác và c ng hi n h t mình. Vì th , vi c n nh và phát tri n NGV v s l ng, ng b v c c u, m b o ch t l ng trong giai o n hi n nay còn g p nhi u tr ng i, khó kh n.

**1.5.2. Y u t ch quan:** Các y u t ch quan g m: uy tín, th ng hi u c a c s giáo d c; môi tr ng s ph m; n ng l c c a i ng cán b qu n lí giáo d c; b máy qu n lí và trình nh n th c c a NGV.

### **K t lu n ch ng 1**

Trong Ch ng 1, lu n án ã khái quát các công trình nghiên c u c a nhi u tác gi trong n c và qu c t v phát tri n NGV m t cách có h th ng c chia theo t ng v n v v trí, vai trò c a GV và phát tri n NGV. Lu n án ã k th a có ch n l c nh ng u i m t ngu n tài li u này.

Lu n án ã áp d ng ti p c n h th ng và ph c h p cùng v i các ph ng pháp nghiên c u phù h p xác nh rõ n i dung phát tri n NGV THPT và các y u t nh h ng.

Lu n án ã làm rõ phát tri n NGV là vi c tác ng c a ch th qu n lí nh m làm cho GV m b o chu n ngh nghi p, xây d ng NGV v s l ng, m b o ch t l ng, ng b v c c u. Phát tri n NGV là l p k ho ch, t ch c th c hi n, ch o và ki m tra ánh giá các khâu t quy ho ch, tuy n ch n, s d ng, ào t o, b i d ng, ki m tra, ánh giá và chính sách ãi ng .

Vi c phát tri n NGV ch u s nh h ng c a nhi u y u t khách quan và ch quan khác nhau, ng th i c ng là nh ng thu n l i và khó kh n trong công tác phát tri n NGV.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

### 2.1. Các mô hình phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội

**2.1.1. Mô hình tự nhiên và kinh tế - xã hội:** Hà Nội là một thành phố tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

**2.1.2. Khái quát về phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội:** Trong những năm qua, ngành GD&ĐT thành phố Hà Nội không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong việc đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là GD&ĐT hiện nay.

### 2.2. Thực trạng thu thập dữ liệu

Tác giả luận án đã tiến hành điều tra, khảo sát về thực trạng NGV, phát triển NGV THPT ở 56 cán bộ quản lý và 354 GV các trường THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội bằng phương pháp xây dựng các mẫu phiếu điều tra, khảo sát; chọn mẫu điều tra, khảo sát; thực hiện điều tra, khảo sát thông qua việc thu thập các số liệu thống kê, nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT, nghiên cứu tài liệu, hồ sơ chuyên môn của các trường THPT, trao đổi trực tiếp... và xử lý số liệu.

### 2.3. Chương trình và tình hình phát triển nghiệp giáo viên trung học phổ thông Việt Nam

**2.3.1. Chương trình phát triển nghiệp giáo viên trung học phổ thông Việt Nam:** Nhà nước và chính quyền các cấp rất quan tâm xây dựng NGV và cán bộ quản lý giáo dục. Trong thời gian qua, các cấp ủy ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật,

nhì u v n b n ch o, h ng d n v phát tri n NGV THPT. c bi t, NQ29 ã ra các gi i pháp phát tri n NGV và CBQL áp ng yêu c u i m i GD& T.

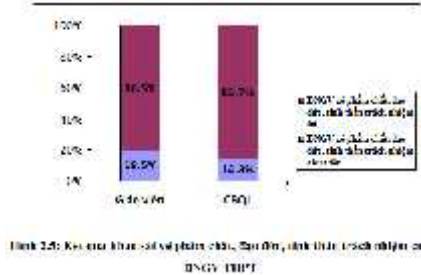
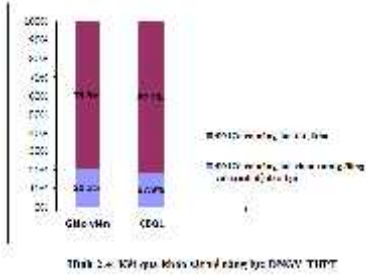
**2.3.2. Tình hình phát tri n i ng giáo viên trung h c ph thông** *Vi t Nam:* Quy ho ch phát tri n nhân l c ngành giáo d c giai o n 2011-2020 ã c tri n khai; vì c tuyền ch n GV c th c hi n theo quy nh, m i a ph ng có s phân c p tuyền GV riêng; vì c s d ng GV c b n úng quy nh. Nhi u a ph ng thi u GV m t s b môn nên ph i d y trái môn. Công tác b i d ng GV còn mang tính ng lo t v n i dung, ph ng pháp và hình th c b i d ng; m c l ng GV hi n còn th p, nhi u GV g p khó kh n trong cu c s ng d n n b vì c, chuy n công tác, làm thêm; thi ua, khen th ng mang n ng tính *xin - cho*, ch y u dành cho lãnh o nên ch a tôn vinh, ng viên c GV.

## **2.4. Th c tr ng i ng giáo viên trung h c ph thông**

**2.4.1. S l ng và c c u i ng giáo viên:** S l ng GV THPT c b n áp ng yêu c u t l giáo viên trên l p, t l GV n chi m g n 70%. Tuy nhiên, s l ng GV c ng dao ng do s bi n ng c a s l ng h c sinh, ngh vì c, chuy n công tác...

**2.4.2. Trình ào t o c a i ng giáo viên:** 100% GV t chu n và trên chu n, 85,4% i h c, 14,6% th c s, ti n s. GV tí ng Anh t chu n n ng l c theo khung tham chi u châu Âu còn th p.

**2.4.3. N ng l c s ph m c a i ng giáo viên:** Qua trao i, kh o sát có 283/354 GV chi m t l 79,9% và 46/56 CBQL chi m t l 82,1% cho r ng, a s n ng l c s ph m c a NGV khá t t; ý ki n còn l i cho r ng, v n còn m t b GV có n ng l c còn h n ch .



**2.4.4. Phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm của giáo viên:** Qua trao đổi, khảo sát có 285/354 GV chiếm 80,5% GV và 48/56 CBQL chiếm 85,7% cho rằng, các GV có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt, tinh thần trách nhiệm cao; ý kiến còn lại cho rằng, vẫn còn một bộ phận GV chưa nhận thức và thể hiện đúng các quy định của nhà giáo.

**2.4.5. Kết quả xếp loại giáo viên**

**Bảng 2.3: Kết quả xếp loại NGV THPT (%)**

Năm học	Kết quả xếp loại									
	TS GV	Xuất sắc		Khá		Trung bình		Kém		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
<b>ánh giá GV theo Q 06</b>										
2010-2011	1629	1022	62,7	519	31,9	88	5,4	0	0,00	
2011-2012	1686	1207	71,6	406	24,1	73	4,3	0	0,00	
2012-2013	1702	1134	66,6	477	28,1	91	5,3	0	0,00	
2013-2014	1670	1401	83,9	182	10,9	87	5,2	0	0,00	

Đánh giá GV theo Chuẩn nghề nghiệp									
2010-2011	1629	933	57,3	630	38,6	66	4,1	0	0,00
2011-2012	1686	1267	75,1	366	21,8	53	3,1	0	0,00
2012-2013	1702	1224	71,9	411	24,2	67	3,9	0	0,00
2013-2014	1670	1308	78,3	296	17,7	66	4,0	0	0,00

## 2.5. Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông thành phố Hà Nội

**2.5.1. Phân cấp quản lý phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông:** Sở GD&ĐT và các trường THPT đã thực hiện phân cấp quản lý và vận hành đúng với Nghị quyết số 115/2010/N-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở và các trường vẫn chưa thực hiện đầy đủ nội dung vận hành phát triển đội ngũ THPT như chưa quy định nhiệm vụ, trách nhiệm; quy định về vị trí, chức danh và giờ quy định cho GV học sau giờ học, các khóa học chính thức; chưa triển khai quy định về thi tuyển GV ngoài thành phố, thu hút GV giỏi. Các trường THPT chưa có quy định về GV đi ào tạo, bồi dưỡng, công tác ngoài nhà trường; chưa thực hiện hợp tác lao động với GV học có nhu cầu chính sách thu hút thi tuyển GV giỏi về công tác trường; chưa quy định chi trả hoàn toàn về nguồn kinh phí các p...

**2.5.2. Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông:** Sở GD&ĐT chưa xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ nói chung và đội ngũ THPT nói riêng; chưa chú ý các trường THPT xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ của nhà trường.

**2.5.3. Tuyển chọn và sử dụng giáo viên trung học phổ thông:** Việc tuyển chọn GV cho các trường THPT công lập do Sở GD&ĐT thực hiện, chưa giao quyền chọn người cho hiệu trưởng các trường. Công tác sử dụng GV của nhà trường là đúng quy định, nhưng vẫn còn có

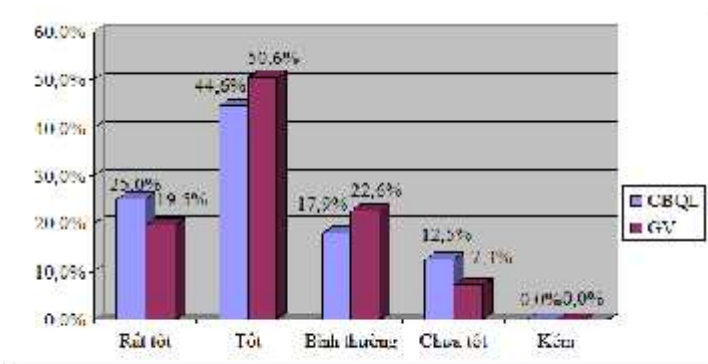
việc phân công GV dạy trái chuyên môn do thiếu GV các CLB. Nhiệm vụ trọng tâm nhất trong công tác bồi dưỡng cán bộ. S GD& T, các trường chuyên xây dựng NGV các CLB làm nền tảng chuyên môn.

**2.5.4. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông:** Việc đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, lí luận chính trị... và các kỹ năng quản lý, nâng cao chất lượng NGV THPT. Tuy nhiên, công tác này hiện vẫn còn thiếu tính đồng bộ, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng.

**Bảng 2.10: Kết quả khảo sát chất lượng của bồi dưỡng ĐNGV THPT (%)**

Đối tượng	Rất tốt		Tốt		Khá		T.Bình		Yếu	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
CBQL	7	12,5	9	16,1	31	55,4	9	16,0	0	0
GV	56	15,8	52	14,7	186	52,5	60	17,0	0	0

**2.5.5. Chính sách đãi ngộ giáo viên trung học phổ thông:** Các trường THPT cần nhận thức đầy đủ, chính sách đãi ngộ GV; chính sách thu hút GV còn hạn chế. Phát triển NGV cần có chính sách đãi ngộ, khen thưởng, tôn vinh; chính sách hỗ trợ cho GV về nhà ở, kinh phí...



**Hình 2.14: Kết quả khảo sát về chế độ, chính sách đãi ngộ đối với GV**





GD& T mà vai trò của NGV là nhân tố quyết định. Như người ta thấy trên đây là điều kiện thuận lợi, là chìa khóa cho S GD& T à N ng trong việc phát triển NGV THPT thành phố à N ng.

**2.6.4. Khó khăn, thách thức:** Một số lượng lớn GV cũn phải c ào t o l i, b i d ng áp ng yêu c u i m i; m t b ph n GV thi u ý th c ph n u, tinh th n trách nhi m; chính sách ãi ng , mà c b i t là m c l ng còn th p nên ch a thu hút, khuy n khích GV n l c hoàn thành t t nhi m v ; i u ki n kinh t c a thành ph còn khó kh n...

## **2.7. Kinh nghiệm của một số n c v phát triển i ng giáo viên trung h c ph thông**

**2.7.1. Tụy n ch n và s d ng giáo viên:** các qu c gia có n n GD& T phát tri n nh Singapore, Hàn Qu c, Pháp... h luôn xác nh GV là nhân tố hàng u. H r t quan tâm n vi c tụy n ch n GV có ch t l ng, phát huy n ng l c GV, xây d ng c u trúc m i v ngh nghi p i v i GV theo h ng th ng ti n ngh nghi p.

**2.7.2. ào t o, b i d ng giáo viên:** V i c ào t o, b i d ng NGV ph thông t i các n c có n n giá o d c phát tri n nh Ph n Lan, Nh t B n, Singapore... luôn c chú tr ng và c tri n khai đ i nhi u mô hình, nhi u ch ng trình, nhi u ph ng th c ào t o hi n i. Vì th , GV các qu c gia này không ch n thu n là m t nhà giáo mà c xem là nhà nghi ên c u v giá o d c c l p.

**2.7.3. Chính sách ãi ng giáo viên:** các qu c gia có n n giá o d c phát tri n, chính sách ãi ng , v th c a GV luôn c t lên hàng u. GV c xem là ng i cao quý, là nhà chuyên nghi p. Các chính sách v thu nh p, tôn vinh, nâng cao n ng l c và o c ngh nghi p c a GV luôn c u tiên hàng u trong chính sách phát tri n giá o d c c a các qu c gia này.

### **K t lu n ch ng 2**

Bên c nh nh ng m t tích c c, NGV THPT thành phố à N ng

vấn còn nhiều hạn chế, cần tiếp tục áp dụng yêu cầu đổi mới giáo dục. Công tác quy hoạch, phát triển NGV THPT cần tiếp tục chú trọng; chất lượng, trình độ GV giữa các trường cần chênh lệch.

Công tác tuyển chọn GV mới chú trọng các tiêu chuẩn và trình độ đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng xây dựng các bộ tiêu chí đánh giá chính xác và năng lực sư phạm, vận dụng phương pháp giảng dạy mới. Do đó, cần đổi mới công tác tuyển chọn GV để nâng cao chất lượng GV có năng lực.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cần chú trọng các nội dung; việc đào tạo sinh viên tại các trường HSP cần theo kịp các yêu cầu thực tiễn. Nội dung, phương pháp bồi dưỡng thường xuyên thi đua, tính thi đua, cần phù hợp với yêu cầu thực tế và chuyển thành nhu cầu tự thân của GV.

Công tác thanh, kiểm tra, đánh giá, xếp loại GV cần chung chung, thi đua khách quan; sự đồng bộ trong pháp luật đánh giá cần phù hợp, cần sàng lọc các NGV nên vẫn còn một bộ phận GV không đạt chuẩn nghề nghiệp. Chính sách đãi ngộ cần tạo động lực, khuyến khích GV an tâm công tác, cống hiến hết mình cho sự nghiệp giáo dục. Vì thế, cần tập trung chăm sóc và triển khai các giải pháp, ra quyết định, chính sách phù hợp phát triển NGV THPT đáp ứng các yêu cầu đổi mới GD&ĐT.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẠO ĐỨC GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

### 3.1. Những giải pháp phát triển đạo đức trung học phổ thông thành phố Hà Nội năm 2020

**3.1.1. Những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2020:** Nghị quyết chỉ thị hướng dẫn thành phố Hà Nội năm 1998, nhiệm kỳ 2010 - 2015, xác định phát triển nhanh

nguồn nhân lực chất lượng cao là 1 trong 5 đột phá chiến lược và phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

**3.1.2. *nh hướng phát triển giáo dục trung học phổ thông thành phố Hà Nội năm 2020***: Dự báo năm học 2019–2020, Hà Nội có 33 trường THPT, với quy mô 53.300 học sinh và 2.760 GV.

**3.2. Nguyên tắc xuất các giải pháp**: Các giải pháp xuất phát từ các nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn, phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, toàn diện GD&ĐT, đảm bảo tính khách quan, công bằng và khách thể.

**3.3. Giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông thành phố Hà Nội**

**3.3.1. *Giải pháp 1: Tăng cường phân công, giao quyền tự chủ cho các trường trung học phổ thông trong công tác phát triển đội ngũ giáo viên***

3.3.1.1. Mục đích, ý nghĩa: Tăng cường phân công, giao quyền tự chủ trong công tác phát triển NGV cho các trường THPT, tạo điều kiện cho nhà trường chủ động, phát huy vai trò của hiệu trưởng, các tổ chức đoàn thể và xây dựng nền nếp làm việc của NGV.

3.3.1.2. Nội dung: Tiến hành phân công quản lý hợp lý, khoa học; rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tăng cường giao quyền tự chủ và phát huy vai trò quản lý của hiệu trưởng trong công tác xây dựng, phát triển NGV, quản lý tài chính,...

3.3.1.3. Thành tích triển khai: Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, chế độ thực hiện, kiểm tra, đánh giá và đảm bảo các điều kiện thực hiện các giải pháp trên trong kế hoạch.

**3.3.2. *Giải pháp 2: Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên trung học phổ thông năm 2020***

3.3.2.1. Mục đích, ý nghĩa: Quy hoạch phát triển NGV THPT nhằm xây dựng NGV THPT đảm bảo nguồn lực tài nhân hành thực

hiên kế hoạch định nhiệm vụ, toàn diện GD&T.

3.3.2.2. Nội dung: Kiểm tra, khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp thực trạng văn hóa, xã hội, chính trị - xã hội NGV THPT và nhận xét luận khách quan, khoa học; đề báo cáo chi tiết văn hóa, xã hội, chính trị - xã hội NGV THPT. Tổng kết, xây dựng kế hoạch thực hiện văn hóa xã hội các giờ pháp mang tính khả thi cao.

3.3.2.3. Tổ chức triển khai: Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc; xây dựng quy hoạch; phân bổ triển khai, chỉ đạo các trường THPT xây dựng kế hoạch phát triển NGV.

### **3.3.3. Giờ pháp 3: *Định nghĩa, nội dung, nội dung chuyên môn giáo viên***

3.3.3.1. Mục đích, ý nghĩa: Tổng hợp nội dung chuyên môn GV cá nhân và trường; xây dựng NGV hiện đại; xây dựng cơ chế nội dung chuyên môn thay đổi môi trường làm việc, nội dung hòa nhập xã hội giáo viên các trường THPT.

3.3.3.2. Nội dung: Thống kê, khảo sát đánh giá hiện trạng công tác của GV; định nghĩa và nội dung chuyên môn GV hiện nay, giao quy định cho các trường học trong công tác định nghĩa, xây dựng NGV; thực hiện tốt việc tuyên truyền, khen thưởng, bổ nhiệm; xây dựng tiêu chuẩn, chính sách có liên quan và quy trình thực hiện việc nội dung chuyên môn GV hiện nay giữa các trường.

3.3.3.3. Tổ chức triển khai: Xây dựng, công khai kế hoạch, quản trị thực trạng phát triển NGV và nội dung chuyên môn GV bậc học THPT hiện nay; phân công cho hiện trường thực hiện nội dung; nội dung chuyên môn GV theo kế hoạch; tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch; làm tốt công tác xây dựng GV theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất GV.

### **3.3.4. Giờ pháp 4: *Định nghĩa công tác đạo đức, bồi dưỡng, đạo đức giáo viên***

3.3.4.1. Mục đích, ý nghĩa: Nâng cao chính trị - xã hội NGV THPT

v tình hình, năng lực chuyên môn, tổ chức nghiên cứu cho GV.

3.3.4.2. Nội dung: Tập trung vào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại NGV trên các lĩnh vực chính trực tiếp, phẩm chất tổ chức nghiên cứu, năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng khác.

3.3.4.3. Tổ chức triển khai: Sử dụng GD&T và hỗ trợ hình thức THPT chuyển vào kế hoạch tổ chức thực hiện có hỗ trợ cao công tác đào tạo GV, đào tạo lại, đào tạo sau nghiệp vụ cho NGV tại các trường THPT; thực hiện tốt việc bồi dưỡng tập trung, bồi dưỡng thường xuyên, ngắn hạn, dự môn học phong trào học, bồi dưỡng của GV.

### ***3.3.5. Giữ pháp 5: Xây dựng, phát huy vai trò của đội ngũ chuyên môn và giáo viên cốt cán trong phát triển nghiên cứu giáo viên***

3.3.5.1. Mục đích, ý nghĩa: Xây dựng đội ngũ chuyên môn có phẩm chất tốt, năng lực chuyên môn và quản lý; xây dựng NGV cốt cán làm nòng cốt trong việc tập huấn chuyên môn, xây dựng ngân hàng kiểm tra, thi, bồi dưỡng học sinh giỏi,...

3.3.5.2. Nội dung: Làm tốt công tác quy hoạch tổ chức; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện công tác bồi dưỡng, miễn nhiệm, nghỉ hưu; lựa chọn, bổ sung những GV có năng lực làm NGV cốt cán các cấp học trong toàn ngành.

3.3.5.3. Tổ chức triển khai: Xây dựng kế hoạch; chọn, triển khai, ôn tập, giám sát, tuyển chọn, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã đề ra.

### ***3.3.6. Giữ pháp 6: Tăng cường đánh giá giáo viên và thanh tra, kiểm tra hoạt động chuyên môn các trường trung học phổ thông***

3.3.6.1. Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá đúng năng lực GV, công tác quản lý của hỗ trợ góp phần nâng cao chất lượng NGV, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&T.

3.3.6.2. Nội dung: Quản trị tất cả các cấp lãnh đạo, NGV có nhân sự thực hiện việc kiểm tra, đánh giá GV; xây dựng các nội dung, các minh chứng tiêu chí, tiêu chuẩn thanh tra, kiểm tra, đánh giá GV. Công tác kiểm tra đánh giá không chỉ dựa vào sự đánh giá của lãnh đạo, đồng nghiệp mà còn phụ thuộc vào kết quả của học sinh mà bản thân GV nhận và sự tham gia của học sinh, phụ huynh và xã hội.

3.3.6.3. Thành tích triển khai: Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, bất thường, đột xuất, kiểm tra nội bộ; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Sau thanh tra, kiểm tra có đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm.

### **3.4. Ưu điểm thực hiện các giải pháp**

Chủ tịch quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, sự ưu tiên tài chính, ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành dạy theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại hóa, đặc biệt là xây dựng chính sách đãi ngộ NGV hợp lý của UBND thành phố. Sự GD&ĐT, các trường THPT phải xem phát triển NGV THPT là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng và thường xuyên. Mọi GV phải có ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ.

### **3.5. Mối quan hệ giữa các giải pháp**

Các giải pháp trên đây có quan hệ hữu cơ với nhau. Mọi giải pháp là tiền đề, là ưu tiên và cơ sở là hành quả của những giải pháp còn lại. Vì vậy, phát triển NGV tốt thì ưu tiên phải thực hiện những biện pháp nêu trên.

### **3.6. Thành tích**

**3.6.1. Thành tích công phu thi đấu và tính khả thi của giải pháp**  
**xuất:** Thành tích công phu thi đấu qua phiếu hỏi (mẫu); đánh giá theo từng mức; thành quả, phân tích số liệu đánh giá theo từng nhóm; kết quả nhận đánh giá mức công phu thi đấu và khả thi của các giải pháp mà tài liệu xuất. Kết quả tham khảo cho thấy, các giải pháp xuất là

riếp thi tốt và thi tốt.

**3.6.2. Thực nghiệm:** Tiến hành thực nghiệm giáo pháp xây dựng chương trình chuyên môn các bộ môn toán, lí, hóa, sinh, văn, sử, địa, tiếng Anh từ 6 trường THPT trong thời gian 2 năm (9/2011-9/2013). Kết quả thực nghiệm cho thấy: Số trường chuyên môn tích cực tham gia hoạt động, bình đẳng, sự GV đóng góp nâng cao trình độ; hiệu quả công việc của trường chuyên môn CBQL, GV đánh giá là có tiến bộ so với trước; trường chuyên môn đã tác động tích cực đến việc nâng cao năng lực và phẩm chất của GV.

### **Kết luận chung 3**

NGV THPT từ thành phố Hà Nội đã trở thành hoạt động tự nhiên, năng lực sinh viên và nhà giáo dục, kết quả giáo dục của GV còn chênh lệch, công nghệ nghiên cứu và phát triển GV còn hạn chế. Vì vậy, phát triển NGV THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT là một việc làm hết sức cần thiết.

Các giáo pháp phát triển NGV THPT đã xuất hiện một số thực nghiệm và kỹ thuật tính hiệu quả từ 6 trường THPT. Kết quả thực nghiệm đã khẳng định tác động tích cực của nó đến các chất lượng và các khâu của quá trình quản lý, các thành tố của quá trình phát triển NGV THPT. Các giáo pháp này có thể hiện rõ ràng, làm rõ các nguyên tắc phát triển NGV THPT, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT.

## **K T L U N VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Phát triển NGV THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới nghiên cứu GD&ĐT có ý nghĩa quan trọng, là hoạt động có tính khoa học, có mối quan hệ, tác động ảnh hưởng.

Năng lực, phẩm chất của GV và của GV là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng giáo dục. NGV THPT cần

ph i c phát tri n theo h ng n ng l c và ph m ch t áp ng vi c ào t o ngu n nhân l c ch t l ng cao cho t n c, tr c h t ph i ào t o cho h c sinh THPT tí p c n ngh nghi p và chu n b cho giai o n sau ph thông có ch t l ng. Do v y, vi c phát tri n NGV THPT c n ph i c quan tâm, n u không s không áp ng yêu c u i m i GD& T.

Phát tri n NGV THPT là ph i th c hi n t t các n i dung ào t o, b i d ng t các nhà tr ng s ph m, c ng nh trong quá trình gi ng d y c a GV, bi n quá trình ào t o thành ào t o c a m i GV. ng th i, ph i cao vai trò qu n lí NGV THPT t vi c m b o s l ng, ng b v c c u, làm t t vi c tuy n ch n, s d ng, thanh tra, ki m tra, ánh giá, x p lo i, chính sách ãi ng ; làm t t công tác ào t o, b i d ng n ng l c, ph m ch t, o c cho m i GV và c i ng t i các tr ng, toàn thành ph ...

Lu n án ã làm t ng minh các khái ni m c b n và h th ng lí c s lí lu n v phát tri n NGV THPT. Trên c s ó, l a ch n nh ng n i dung c n thi t làm c s cho vi c xây d ng khung lí lu n c a lu n án.

T khung lí lu n, lu n án ã phân tích, ánh giá th c tr ng NGV THPT và th c tr ng phát tri n NGV THPT thành ph à N ng. Phân tích, ánh giá, xác nh rõ nh ng h n ch và nguyên nhân d n n h n ch trên. Qua ánh giá th c tr ng phát tri n NGV THPT cho th y, bên c nh nh ng k t qu tích c c thì v n còn m t s h n ch , m t b ph n GV THPT thành ph à N ng y u v chuyên môn, nghi p v s ph m, h n ch v trình tin h c, ngo i ng , ng i i m i ph ng pháp d y h c, thi u tinh th n trách nhi m; nh n th c c a m t s ít CBQL và GV v t m quan tr ng c a công tác qu n lí NGV THPT ch a y . Vi c b i d ng còn n ng hình th c, ch a hi u qu ; công tác qu n lí nhi u lúc còn buông l ng; vi c thanh tra, ki m tra ch a th ng xuyên, ánh giá còn n nang; chính sách ãi ng



nhì u lúc ch a th t s t o ã ng l c khuy n khích GV...

Trên c s lí lu n và th c ti n, lu n án ã xu t 6 gi i pháp phát tri n NGV THPT thành ph à N ng. Kh o nghi m tính c p thi t và kh thi c a 6 gi i pháp cho th y các gi i pháp này c ánh giá là c p thi t, có tính kh thi cao và yêu c u ph i c th c hi n ng b . Các gi i pháp này có th áp d ng kh c ph c nh ng h n ch trong công tác phát tri n NGV THPT thành ph à N ng góp ph n th c hi n thành công m c tiêu i m i GD& T.

## **2. Khuy n ngh**

### **2.1. V i B Giáo d c và ào t o**

Th c hi n t t án phát tri n h th ng các tr ng s ph m. T ng c ng u t c s v t ch t - k thu t, kinh phí; xây d ng, i m i n i dung, ch ng trình ào t o nâng cao ch t l ng ào t o c a các tr ng i h c s ph m. Ch o các tr ng s ph m t ng c ng ch t l ng gi ng d y b môn ph ng pháp d y h c, ph i h p ch t ch v i các s GD& T trong vi c th c t p, ki n t p cho sinh viên.

Tri n khai hi u qu án i m i c n b n và toàn di n GD& T; tri n khai c th Chí n l c phát tri n giáo d c giai o n 2011-2020.

Ti p t c tham m u ng, Nhà n c các chính sách v l ng, ch u ãi, thi ua, khen th ng, tôn vinh nhà giáo và CBQL giáo d c m b o cu c s ng, toàn tâm, toàn ý v i s nghi p tr ng ng i .

### **2.2. V i y ban nhân dân thành ph à N ng**

Ch o S GD& T kh n tr ng ti n hành xây d ng quy ho ch phát tri n NGV THPT.

Th c hi n úng Ngh nh s 115/2010/N -CP, ngày 24 tháng 12 n m 2010 c a Chính ph v Quy nh trách nhi m qu n lí nhà n c v giáo d c (có quy nh trách nhi m c a UBND c p t nh và S GD& T).

Ch o S GD& T tri n khai có hi u qu án d y và h c

ngoại ngữ, án thi tuyển CBQL giáo dục, Chương trình hành động của Thành phố về việc thực hiện NQ29.

Chỉ đạo, bổ sung chính sách thu hút GV; quan tâm, tạo điều kiện về nhà ở, hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng GV...

### **2.3. Về Sĩ Giáo dục và Đào tạo**

Xây dựng quy hoạch phát triển NGV THPT đến năm 2020, nâng cao chất lượng năm 2030.

Triển khai các giải pháp đã đề xuất, trọng tâm xây dựng kế hoạch tuyển chọn, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thanh tra, kiểm tra; tham mưu UBND thành phố ban hành chính sách đãi ngộ, thi đua, khen thưởng, tôn vinh. Hàng năm, có đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp và công tác phát triển NGV THPT của nhà trường.

Thực hiện tốt các chỉ tiêu đề ra trên xây dựng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; chú trọng xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020 và án định cơ bản và toàn diện GD&ĐT.

Phối hợp với trường HSP - địa phương và các đơn vị khác trong việc đào tạo, bồi dưỡng GV, chú ý nâng cao bồi dưỡng GV trẻ về chuyên môn.

### **2.4. Về các trường THPT**

Thực hiện tốt các chỉ tiêu của S GD&ĐT và các đơn vị khác về công tác phát triển NGV THPT; xây dựng kế hoạch phát triển NGV của nhà trường.

Tăng cường công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng NGV THPT; sử dụng hiệu quả NGV, phát huy vai trò của trường chuyên môn và GV cốt cán; thực hiện tốt các chỉ tiêu, chính sách, thi đua, khen thưởng về GV.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU  
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN NÊN TÀI LUẬN ÁN**

- [1] **Lê Trung Chính (2012)**, “Thức trở ngổn ngang giáo viên trung học phổ thông thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Giáo dục*, số 277 (kì 1- 1/2012), tr.54,55,65.
- [2] **Lê Trung Chính (2012)**, “Vấn đề nâng cao năng lực nhân lực vào phát triển giáo viên trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Giáo dục*, số 284 (kì 2 - 4/2012), tr.12-14.
- [3] **Lê Trung Chính (2012)**, “Thi tuyển chức danh lãnh đạo ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt (11/2012), tr.8-10.
- [4] **Lê Trung Chính (2014)**, “Quy hoạch, phát triển cán bộ ngành giáo dục và đào tạo tại thành phố Hà Nội, từ năm 2007 đến nay”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 101 (2/2014), tr.47-49.
- [5] **Lê Trung Chính (2014)**, “Phát triển đội ngũ nhà giáo - nhân lực có ý nghĩa quyết định trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, số 02 (6/2014), tr.22-28.